

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PL  
TỈNH BL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/DS-ST  
Ngày: 25/7/2023  
(V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự)

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, TỈNH BL**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Danh Văn An

*Các hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông Trần Văn Phước

2/. Bà Võ Tuyết Kha

*Thư ký phiên tòa:* Ông Ngô Văn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL tham gia phiên tòa:* Bà Đoàn Vũ Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 144/2023/TLST- DS ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Anh TTB, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp HC, thị trấn PL, huyện PL, tỉnh BL.

2/. Bị đơn: Anh NTG, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp LT, thị trấn PL, huyện PL, tỉnh BL.

3/. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị TTT, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp LT, thị trấn PL, huyện PL, tỉnh BL.

(Anh B, anh G và chị T có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2023, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh TTB trình bày: Vào

tháng 11/2022 (âm lịch), giữa anh và anhG bắt đầu giao dịch hợp đồng thuê máy cắt lúa với nhau, anhG thuê anh cắt lúa phần đất có diện tích là 21 công tầm cây với giá là 400.000 đồng/công, tổng số tiền cắt lúa là 8.400.000 đồng. Ngoài ra, do đất của anhG nằm 02 phần (miếng) khác nhau nên phải thuê cầu cho máy cắt đi qua với số tiền là 500.000 đồng và tiền thuê nhân công vận chuyển lúa từ trong ruộng ra ngoài sông lớn với số tiền là 300.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền anhG thiếu anh là 9.200.000 đồng.

Anh B xác định anh chỉ làm cò cắt lúa để ăn tiền công chứ không phải là chủ máy cắt nhưng các giao dịch trên thì giữa anh và anhG trực tiếp giao dịch với nhau và anh đã trả tiền cho chủ máy cắt xong nên nay anh yêu cầu anhG và chị T cùng có nghĩa vụ trả cho anh tổng số tiền là 9.200.000 đồng. Ngoài ra, anh không còn yêu cầu nào khác.

Theo bị đơn anh NTG trình bày: Anh thừa nhận trước đây vào khoảng tháng 11/2022 (Âm lịch), anh có giao dịch thuê máy cắt lúa của anh B để cắt lúa cho gia đình anh. Anh thuê anh B cắt lúa cho anh phần đất có diện tích là 21 công tầm cây với giá là 400.000 đồng/công, tổng số tiền cắt là 8.400.000 đồng. Ngoài ra, do đất của anh nằm 02 phần khác nhau nên phải thuê cầu cho máy cắt đi qua với số tiền là 500.000 đồng và tiền thuê nhân công vận chuyển lúa từ trong ruộng ra ngoài sông lớn với số tiền là 300.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền anh thiếu anh B là 9.200.000 đồng. Nhưng vào ngày 10/11/2022 (âm lịch) anh đã trả cho anh B số tiền là 8.400.000 đồng. Nay anh xác định anh chỉ còn thiếu anh B số tiền là 800.000 đồng nên anh chỉ đồng ý trả số tiền thiếu còn lại cho anh B.

AnhG xác định: Anh B không phải là chủ máy cắt lúa nhưng mọi giao dịch thì giữa anh và anh B trực tiếp thực hiện với nhau, anh không biết chủ máy cắt lúa là ai, nhưng anh B đã trả tiền cho chủ máy cắt lúa, cũng như nhân công vận chuyển lúa cho anh xong nên nay anh đồng ý trả số tiền 9.200.000 đồng trên lại cho anh B. Nhưng do trước đây anh đã trả được cho anh B số tiền 8.400.000 đồng nên nay anh chỉ đồng ý trả thêm số tiền 800.000 đồng cho anh B nữa là đủ.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị TTT trình bày: Chị thống nhất với ý kiến trình bày của chồng chị là anh NTG nên chị không có ý kiến gì để bổ sung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh TTB. Buộc anh NTG và chị TTT cùng có nghĩa vụ trả cho của anh TTB số tiền 9.200.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Dương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Anh TTB có đơn khởi kiện yêu cầu tranh chấp hợp đồng dân sự đối với anh NTG và chị TTT. AnhG và chị T có địa chỉ cư trú tại huyện PL, tỉnh BL. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của anh TTB đối với anh NTG và chị TTT cùng có nghĩa vụ trả cho anh tổng số tiền cắt lúa còn thiếu là 9.200.000 đồng thì Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự thống nhất thừa nhận có việc giao dịch thuê máy cắt lúa với nhau, việc giao dịch này là hoàn toàn tự nguyện và có xảy ra trên thực tế. Như vậy, lời thừa nhận của anhG và chị T về việc còn thiếu anh B số tiền 9.200.000 đồng là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật.

[3] Xét lời trình bày của anh NTG xác định: Vào ngày 10/11/2022 (Âm lịch) anh đã trả cho anh B số tiền là 8.400.000 đồng để trừ vào số tiền nợ trên đối với anh B. Nhưng anh B không thừa nhận, anhG cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của anh là có căn cứ và hợp pháp. Mặt khác, anhG xác định trong ngày trả số tiền trên cho anh B thì có ông Tạ Văn Hoàng là người cùng xóm nhậu chung nên biết được việc này. Nhưng qua xác minh, làm việc với anh Tạ Văn Hoàng thì ông Hoàng trình bày không có lần nào ông chứng kiến việc giao dịch đưa tiền giữa anhG với anh B mà chỉ trong lúc về nhà của ông nhậu thì ông chỉ nghe anhG nói lại là mới trả tiền cho anh B xong.

Theo khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “1. *Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp,...*”. Nhưng trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, anhG không đưa ra được tài liệu hay chứng cứ gì để chứng minh cho việc anh có trả số tiền 8.400.000 đồng cho anh B để trừ vào số tiền nợ trên đối với anh B. Do đó, không có cơ sở chấp nhận lời trình bày này của anh NTG.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, có đủ cơ sở căn cứ để chấp nhận yêu cầu của anh TTB đối với anh NTG và chị TTT. Buộc anh NTG và chị TTT cùng có nghĩa vụ trả cho anh TTB tổng số tiền là 9.200.000 đồng.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh TTB không phải chịu, anh B đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ngày 09 tháng 5 năm 2023 theo biên lai thu số 0012673 được hoàn lại cho anh TTB tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL. Buộc anh NTG và chị TTT cùng có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 460.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

[6] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh BL về nội dung giải quyết vụ án.

Vì các lẽ nêu trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 143, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 166 và 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh TTB đối với anh NTG và chị TTT về việc tranh chấp hợp đồng dân sự.

2/. Buộc anh NTG và chị TTT cùng có nghĩa vụ trả cho anh TTB tổng số tiền là 9.200.000 đồng (Chín triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất phát sinh tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

3/. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh TTB không phải chịu, anh B đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ngày 09 tháng 5 năm 2023 theo biên lai thu số 0012673 được hoàn lại cho anh TTB tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL. Buộc anh NTG và chị TTT cùng có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 460.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

4/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5/. Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Danh Văn An**